

RỦI RO LÃI SUẤT VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PGS, TS. NGUYỄN THỊ NHUNG
ThS. TRẦN THỊ MINH TUYẾN

XU HƯỚNG TỰ DO HÓA, TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ VÀ QUỐC TẾ HÓA CÁC LUỒNG TÀI CHÍNH ĐÃ LÀM THAY ĐỔI CĂN BẢN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG. VIỆC GIA NHẬP WTO, CÙNG THAM GIA SÂN CHƠI THẾ GIỚI, VỚI CÁC NGÂN HÀNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ VÀ NHÂN LỰC NƯỚC NGOÀI LÀ NHỮNG THÁCH THỨC LỚN CHO CÁC NGÂN HÀNG TRONG NƯỚC. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG TRỞ NÊN PHỨC TẠP HƠN, ÁP LỰC CẠNH TRANH GIỮA CÁC NGÂN HÀNG CŨNG LỚN HƠN VÀ KÈM THEO ĐÓ LÀ MỨC ĐỘ RỦI RO CŨNG TĂNG LÊN. MẶC DÙ MỘT SỐ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI (NHTM) ĐÃ NHẬN THỨC ĐƯỢC VẤN ĐỀ NÀY NHƯNG CHƯA CÓ NGÂN HÀNG NÀO CÓ ĐƯỢC MỘT HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MỘT CÁCH HOÀN THIỆN. TRONG TẤT CẢ CÁC LOẠI RỦI RO THÌ RỦI RO LÃI SUẤT LÀ VẤN ĐỀ ĐANG ĐƯỢC QUAN TÂM, ĐẶC BIỆT LÀ SAU NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC SUY THOÀI KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2008. NẾU VẤN ĐỀ NÀY KHÔNG ĐƯỢC QUAN TÂM ĐÚNG MỨC THÌ TRONG TƯƠNG LAI CÁC NGÂN HÀNG CÓ THỂ PHẢI GÁNH CHỊU NHỮNG HẬU QUẢ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ AN TOÀN TRONG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG CŨNG NHƯ AN TOÀN CỦA HỆ THỐNG.

1. Lãi suất và rủi ro lãi suất

Lãi suất được hình thành như giá cả của một loại hàng hoá (ở đây là vốn), nó là chi phí mà người đi vay phải trả cho người cho vay để được quyền sử dụng vốn, nó vận động tuân theo quy luật cung cầu, xác định trên cơ sở cân bằng giữa nhu cầu về vốn và cung về vốn trên thị trường. Như vậy, lãi suất chính là tín hiệu thị trường tham gia vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và phân bổ nguồn vốn một cách hợp lý. Lãi suất còn được hiểu là công cụ chủ yếu của chính sách tiền tệ của mỗi quốc gia, do Ngân hàng Trung ương - cơ quan thay mặt Nhà nước thực thi chính sách tài chính tiền tệ - nắm giữ, và sử dụng nhằm điều chỉnh, can thiệp vào thị trường giúp hạn chế, khắc phục những yếu kém của nền kinh tế.

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi thay đổi lãi suất thị trường sẽ dẫn đến tài sản sinh lợi giảm giá trị. (Thomas P. Fitch). Rủi ro lãi suất gắn liền với cấu trúc thời hạn khác nhau giữa tài sản và nợ (huy động vốn và cho vay) và sự biến động của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất xảy ra trong hai trường hợp sau đây:

- Kì hạn huy động vốn ngắn hơn kì hạn đầu tư vốn

Trường hợp một ngân hàng huy động vốn có kì hạn 1 năm và đầu tư có kì hạn 2 năm; Giả sử lãi suất huy động vốn là 9%/năm và lãi suất đầu tư là 10%/năm. Sau năm thứ nhất, bằng cách vay ngắn hạn 1 năm và cho vay dài hạn 2 năm, ngân hàng thu được lợi nhuận từ chênh lệch lãi suất là: $10\% - 9\% = 1\%$. Tuy nhiên, lợi nhuận của năm thứ 2 chưa biết trước là bao nhiêu nên sẽ là một số không chắc chắn. Nếu lãi suất thị trường không thay đổi từ năm thứ nhất sang năm thứ hai thì ngân hàng có thể huy động tài sản nợ với mức lãi suất là 9%; và do đó, mức lợi nhuận thu được trong năm thứ hai vẫn là 1%. Tuy nhiên, vì lãi suất thị trường có thể thay đổi từ năm thứ nhất sang năm thứ hai, vì vậy ngân hàng luôn đứng trước rủi ro về lãi suất. Nếu như trong năm thứ hai, ngân hàng chỉ có thể huy động vốn với mức lãi suất là 11%, dẫn đến lợi nhuận trong năm thứ hai sẽ là một số âm: $10\% - 11\% = -1\%$. Như vậy, lợi nhuận trong năm thứ nhất chỉ đủ bù lỗ cho năm thứ hai.

Có thể nói, trong mọi trường hợp nếu ngân hàng duy trì tài sản có có kì hạn dài hơn so với tài sản nợ thì ngân hàng luôn đứng trước rủi ro về lãi suất trong việc tái tài trợ đối với tài sản nợ. Rủi ro sẽ thành hiện

thực khi lãi suất huy động vốn trong những năm tiếp theo cao hơn mức lãi suất đầu tư tín dụng dài hạn.

- Ngân hàng huy động vốn có kì hạn dài và đầu tư có kì hạn ngắn

Ví dụ, ngân hàng huy động vốn với lãi suất là 9%/năm, kì hạn 2 năm, và đầu tư vào tài sản có mức lãi suất là 10%/năm, với kì hạn là 1 năm. Tương tự như trường hợp trên, năm thứ nhất ngân hàng thu được lợi nhuận 1%. Vì tài sản có kì hạn 1 năm, nên hết năm thứ nhất ngân hàng lại tiếp tục tái đầu tư. Giả sử lãi suất đầu tư trong năm thứ 2 giảm xuống chỉ còn 8%, điều này khiến cho ngân hàng gặp rủi ro về lãi suất, đó là lỗ: $8\% - 9\% = -1\%$. Như vậy, lợi nhuận trong năm thứ nhất cũng chỉ đủ bù lỗ cho năm thứ hai.

Kết quả là ngân hàng gặp phải rủi ro về lãi suất tái đầu tư trong trường hợp tài sản có có kì hạn ngắn hơn so với tài sản nợ.

Rủi ro lãi suất thường do các nguyên nhân sau:

• Sự không phù hợp về kỳ hạn của tài sản và nguồn vốn;

Trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao giữa các ngân hàng như hiện nay thì cơ hội để tìm kiếm đầu vào và đầu ra ngày



Thay đổi lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng đến giá trị kinh tế của các tài sản Có, tài sản Nợ và các trạng thái ngoại bảng của ngân hàng.

càng thu hẹp do đó sẽ không cho phép các ngân hàng có nhiều lựa chọn cơ hội đầu tư như mong muốn về quy mô, kỳ hạn,... việc tìm kiếm đầu vào cũng có chung những đặc điểm như thế.

Đối với một ngân hàng, các tài sản và nguồn vốn của ngân hàng có kỳ hạn khác nhau. Khi nghiên cứu về rủi ro lãi suất của ngân hàng, các nhà tài chính chỉ quan tâm tới kỳ hạn đặt lãi suất. Đó là kỳ hạn mà khi kết thúc lãi suất sẽ bị thay đổi theo lãi suất thị trường. Căn cứ vào kỳ hạn này, ngân hàng chia tài sản và nguồn vốn thành loại nhạy cảm lãi suất và loại kém nhạy cảm với lãi suất. Các tài sản và nguồn vốn nhạy cảm lãi suất thường là các loại mà số dư nhanh chóng chuyển sang lãi suất mới khi thị trường thay đổi, ví dụ như khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay và đi vay trên thị trường liên ngân hàng, chứng khoán ngắn hạn của chính phủ, các khoản cho vay ngắn hạn. Các loại ít nhạy cảm với lãi suất thuộc về tài sản và nguồn trung và dài hạn với lãi suất cố định

• Sự thay đổi của lãi suất thị trường ngược chiều với dự kiến của ngân hàng

Lãi suất thị trường thường xuyên thay đổi. Ngân hàng luôn nghiên cứu và dự báo lãi suất. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp ngân hàng không thể dự báo chính xác mức độ thay đổi của lãi suất nên khi lãi suất thay đổi không theo dự báo sẽ không tránh khỏi rủi ro.

• Ngân hàng áp dụng chính sách lãi suất cố định

Nếu ngân hàng thả nổi tất cả các hợp đồng huy động và sử dụng vốn, thu lãi và chi lãi sẽ đều tăng hoặc giảm như nhau khi lãi suất thay đổi và không có rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, trên thực tế các ngân hàng thường áp dụng mức lãi suất cố định trong suốt kỳ hạn đặt lại lãi suất. Ví dụ như khoản cho vay có kỳ hạn đặt lại lãi suất là 2 năm

hoặc 1 năm, hoặc khoản đi vay thường có thời hạn đặt lại lãi suất là thời hạn vay cho nên trong kỳ hạn đặt lại lãi suất khi lãi suất có tăng hay giảm thì mức lãi suất áp dụng vẫn không thay đổi.

Những tác hại mà rủi ro lãi suất có thể mang lại:

Lãi suất thay đổi có thể làm tăng chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản của ngân hàng. Rủi ro lãi suất cũng làm giảm giá trị Tài sản Có và vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Cụ thể:

• Xét trên khía cạnh lợi nhuận:

Thu nhập ròng từ lãi chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường thay đổi thì thu nhập từ lãi suất của ngân hàng cũng biến động do những nguồn thu từ danh mục cho vay và đầu tư cũng như chi phí lãi đối với các loại tiền gửi đều bị tác động. Xem xét trên khía cạnh lợi nhuận chỉ cho thấy tác động ngắn hạn của lãi suất và không đưa ra được dự báo chính xác về tác động này đối với tình hình chung của ngân hàng

• Xem xét trên khía cạnh giá trị kinh tế:

Giá trị kinh tế của một tài sản là hiện giá của dòng tiền mong đợi trong tương lai. Biến động của giá trị thị trường có thể tác động lên giá trị kinh tế của Tài sản Nợ - tài sản Có và các hạng mục ngoại bảng của ngân hàng. Giá trị kinh tế của ngân hàng được xem như là hiện giá của các dòng tiền ròng trong tương lai, bằng dòng tiền ròng bằng tài sản Có trừ (-) đi dòng tiền trong tương lai của Tài sản Nợ cộng (+) với dòng tiền ròng trong tương lai của các giao dịch ngoại bảng. Theo nghĩa này, khía cạnh giá trị kinh tế phản ánh quan điểm về độ nhạy cảm lãi suất của giá trị ròng ngân hàng trước biến động lãi suất, do đó nó cho thấy tác động lâu dài của biến động lãi suất đối với hoạt động ngân hàng.

2. Diễn biến lãi suất giai đoạn 2007-

2012

Việc lạm phát tăng cao từ cuối năm 2007 và những tháng đầu năm 2008 cùng với những giải pháp thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã gây khó khăn lên hoạt động của hệ thống ngân hàng trong suốt quý I/2008. Việc thực thi hàng loạt các giải pháp tiền tệ của NHNN trong quý I như quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, đồng loạt tăng lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, phát hành 20.300 tín phiếu bắt buộc trong tháng 2, khống chế cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán không quá 20% vốn điều lệ của một NHTM... đã đẩy thị trường lâm vào tình trạng khan hiếm vốn khả dụng và thiếu hụt thanh khoản trầm trọng, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tăng đột biến vào giữa tháng 2 khi nhiều ngân hàng mấp mé nguy cơ không duy trì đủ dự trữ bắt buộc. Các NHTM rơi vào tình trạng bị động và phản ứng trước những thay đổi này là cuộc chạy đua tăng lãi suất huy động. Cuộc chạy đua lãi suất huy động trên thị trường 1 của các NHTM cứ tiếp tục tăng tốc cho đến khi NHNN ban hành công điện số 02 ngày 26/2/2008, khống chế mức trần lãi suất huy động của hệ thống NHTM không quá 12%/năm. Điều này gây khó khăn cho các NHTM trong công tác huy động khi tình hình lạm phát ngày càng tăng cao trong khi lãi suất tiền gửi ngân hàng khống chế ở mức trần là 12%/năm làm cho lãi suất của người gửi tiền ở tình trạng thực âm. Trước tình hình đó, Chính phủ chỉ đạo từng bước hướng tới lãi suất thực dương theo cơ chế thị trường và chính sách này đã được các NHTM ủng hộ. Ngày 16/05/2008, NHNN thực hiện dỡ trần lãi suất và thực hiện điều hành lãi suất dựa trên lãi suất cơ bản theo Quyết định 16/QĐ-NHNN có hiệu lực kể từ ngày 19/05/2008. Quyết định này của NHNN được coi là nút gở đầu tiên để khắc phục tình trạng thiếu

hụt vốn trầm trọng của các NHTM, đặc biệt là các NHTM cổ phần. Đến thời điểm cuối tháng 5/2008, lãi suất huy động VNĐ của các NHTM ổn định ở mức 16%/năm. NHNN tiếp tục sử dụng công cụ lãi suất cơ bản để kiểm chế lạm phát.

Nếu như trong năm 2008, lãi suất cơ bản được điều chỉnh đến 8 lần thì trong năm 2009, NHNN chỉ điều chỉnh 1 lần lãi suất cơ bản từ 8,5%/năm xuống 7%/năm và duy trì đến hết tháng 11 để rồi tăng trở lại 8%/năm từ ngày 01/12/2009. Tiếp theo đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng cũng giảm mạnh và lãi suất huy động duy trì ở mức trần 10,5%/năm. Biên độ tỷ giá có 2 lần điều chỉnh, lần nới rộng từ +/-3% lên +/-5% từ 24/03 và thu hẹp lại từ +/-5% xuống +/-3% từ ngày 26/11/2009. Những quyết định điều hành chính sách tiền tệ được đưa ra cuối năm nhằm ngăn chặn những nguy cơ bất ổn của nền kinh tế đồng thời giúp thu hẹp khoảng cách tỷ giá VNĐ/USD ở các ngân hàng và trên thị trường tự do. Tiếp theo, ngày 24/02/2009, NHNN đã quyết định giảm tỷ lệ DTBB VNĐ của các TCTD đối với tiền gửi dưới 12 tháng xuống còn 3% nhằm hỗ trợ vốn cho các ngân hàng đẩy mạnh tín dụng.

Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô sụt giảm mạnh, trong đó GDP tăng trưởng chậm, nhất là vào quý I/2009. Trước nguy cơ nền kinh tế rơi vào suy thoái, Chính phủ đã kịp thời thực hiện chương trình kích cầu nền kinh tế, trong đó một trong những trọng tâm là chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất đối với các thành phần kinh tế theo Quyết định 131/QĐ-TTg. Tiếp đó, ngày 04/04/2009, Chính phủ đã ban hành Quyết định 443/QĐ-TTg về việc cho vay hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay trung và dài hạn. Chương trình hỗ trợ lãi suất trong tổng thể chương trình kích cầu của Chính phủ đã tạo lực đẩy mạnh mẽ cho nền kinh tế thoát khỏi nguy cơ suy thoái và khôi phục đà tăng trưởng.

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5% được đặt lên hàng đầu ngay từ đầu năm 2010, các chính sách tiền tệ của NHNN cũng ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế chung, điển hình là việc NHNN liên tục duy trì mức lãi suất cơ bản 8%/năm từ tháng 01/2010 đến đầu tháng 11/2010 để hỗ trợ vốn cho nền kinh tế phát triển. Kết quả là đến cuối năm 2010, tăng trưởng huy động tăng 27,2% và cho vay tăng 29,81% so với cùng kỳ năm 2009. Khi mục tiêu tăng



Hầu hết các NHTM đã dần nhận thức được tầm quan trọng của rủi ro lãi suất

trường kinh tế đã về đích cũng là lúc lạm phát bắt đầu lộ diện buộc Chính phủ phải thực hiện một loạt các chính sách để kiểm chế lạm phát, trong đó được nhắc đến nhiều nhất là chính sách tiền tệ thắt chặt. NHNN có động thái thắt chặt tiền tệ từ tháng 11/2010 bằng việc nâng lãi suất cơ bản lên mức 9%/năm

Năm 2010 là năm thật sự nóng đối với hoạt động của các NHTM trong nước với các sự kiện nổi bật. Đáng chú ý là sự đóng cửa sàn vàng vào cuối tháng 03/2010 đã tác động tới hoạt động của các ngân hàng có sàn giao dịch cũng như không có sàn giao dịch vàng khi phải đóng cửa trạng thái giao dịch. Sự kiện thứ hai phải kể đến là cuộc đua lãi suất huy động khi NHNN tăng lãi suất cơ bản lên 9%. Lãi suất liên ngân hàng cũng từ đó được đẩy lên mức 20% để thu hút vốn, đáp ứng cho nhu cầu thanh khoản vào cuối năm. Trái ngược với cuộc đua khốc liệt trên thị trường huy động, hoạt động tín dụng của các ngân hàng tăng trưởng rất chậm trong 2 quý đầu 2010. Sang quý 3 và quý 4, tín dụng tuy có tăng trưởng nhưng do mức lãi suất còn cao cộng với những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng, hoạt động của các doanh nghiệp cũng chưa thực sự khởi sắc nên mặc dù nhu cầu về vốn tuy có nhưng doanh nghiệp vẫn chưa thực sự mặn mà với các khoản vay từ ngân hàng.

Năm 2011, NHNN đã 2 lần tăng lãi suất chiết khấu, 4 lần tăng lãi suất tái cấp vốn, 5 lần tăng lãi suất OMO. Thông tư 02 quy định trần lãi suất huy động 14%/năm. Tuy nhiên, lãi suất leo thang bắt đầu từ tháng 05/2011, có thời điểm lãi suất huy động đã lên đến 20%/năm. Hệ thống ngân hàng Việt Nam

cũng đã bộc lộ nhiều yếu điểm. Hội nghị Trung ương 3 đã ban hành Nghị quyết tái cơ cấu nền kinh tế, có tái cấu trúc thị trường tài chính mà trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống NHTM cổ phần và các tổ chức tài chính.

Ngược lại với năm 2011, cùng với diễn biến giảm lạm phát và để khắc phục hiện tượng "băng" tín dụng, năm 2012 là năm giảm lãi suất và dấu ấn của năm 2012 được ghi nhận là có đến 6 lần giảm lãi suất, kể cả lãi suất huy động, cho vay và các lãi suất điều hành (lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu); lãi suất cơ bản vẫn được chốt ở mức 9%/năm từ tháng 10/2010 (đến tháng 3/2013 giảm xuống còn 7,5%/năm).

Quản lý rủi ro lãi suất tại một số NHTM

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Tại BIDV, quản trị rủi ro lãi suất được chú trọng với việc ban hành các quy định về trình tự quản lý rủi ro lãi suất, thực hiện quản lý rủi ro và quản trị tác nghiệp trong quản lý rủi ro lãi suất theo Hiệp ước Basel II, nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lãi suất. Trong hoạt động kinh doanh, BIDV xác định và phân định rõ ràng công việc, trách nhiệm của các cá nhân, phòng, ban trong quá trình quản lý rủi ro lãi suất. BIDV cũng xây dựng một phòng chuyên biệt chuyên phân tích các nguồn tin trên thị trường để đưa ra các nhận định, dự báo hàng tuần, tháng, quý... hoặc bất cứ khi nào có yêu cầu của ban lãnh đạo. Các nhận định này sẽ là cơ sở để ban lãnh đạo ngân hàng đưa ra các quyết định liên quan đến lãi suất trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, mặc dù BIDV là ngân hàng được NHNN cho phép sử dụng quyền chọn lãi suất trong hoạt động kinh doanh,

song BIDV vẫn chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro lãi suất. Điều này, có thể lý giải do thị trường phái sinh tại thị trường tài chính Việt Nam chưa đủ phát triển.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Tại SHB, rủi ro lãi suất được đo lường bằng các báo cáo chênh lệch thời hạn đảo hạn và xác định lãi suất phân bổ theo thời hạn: không chịu ảnh hưởng do thay đổi lãi suất, dưới 1 tháng, từ 1 tháng đến 3 tháng, 6 tháng đến 9 tháng, 9 tháng đến 12 tháng, 1 năm đến 5 năm và trên 5 năm. Việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất với nguồn vốn nhạy cảm lãi suất. Căn cứ vào các báo cáo nhận định diễn biến và xu hướng biến động lãi suất trên thị trường của Ủy ban quản lý tài sản Nợ - tài sản Có, Ban điều hành ngân quỹ sẽ quyết định duy trì mức chênh lệch hợp lý để định hướng hoạt động của ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)

SCB rất chú trọng tới công tác quản lý rủi ro nói chung và quản trị rủi ro lãi suất nói riêng. Tuy nhiên, đến thời điểm năm 2011, công tác quản trị rủi ro này cũng mới bắt đầu ở mức độ sơ khai. Trước đó (vào năm 2009), Hội đồng ALCO đã được thành lập. Một trong các nhiệm vụ quan trọng của Hội đồng ALCO là thiết lập và giám sát quá trình quản lý rủi ro lãi suất. Trên cơ sở lãi suất cạnh tranh của các ngân hàng bạn trên thị trường và mức lãi suất huy động, cho vay ngân hàng có khả năng chịu đựng, hội đồng ALCO sẽ xây dựng biểu lãi suất của ngân hàng phù hợp với thị trường nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận cho ngân hàng. Ngân hàng đã thành lập Phòng quản lý rủi ro thị trường chuyên nghiên cứu về thị trường, các diễn biến về tỷ giá, lãi suất. Các dự báo về biến động của lãi suất đã giúp ngân hàng trong các quyết định đầu tư cũng như trong việc quản lý rủi ro lãi suất của mình. Một điều rất đáng ghi nhận là hiện nay, tại SCB đã thực hiện các giao dịch phái sinh bao gồm hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa rủi ro lãi suất nhưng vẫn còn ở mức độ nhỏ lẻ và rất ít phát sinh.

Nhìn chung, hầu hết các NHTM đã dần nhận thức được tầm quan trọng của rủi ro lãi suất, những chuẩn mực quốc tế ngày càng được nhiều ngân hàng nghiên cứu và đầu tư vào áp dụng trong hoạt động của mình nhằm quản lý tốt nhất rủi ro lãi suất có thể xảy ra, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội

nhập thị trường tài chính thế giới, điển hình trong đó có Hiệp ước Basel II. Mặc dù sau năm 2010 Việt Nam mới áp dụng Hiệp ước Basel II nhưng Hiệp ước này đã ảnh hưởng lớn đến các NHTM Việt Nam, nhất là các yêu cầu quản lý rủi ro. Việc áp dụng Basel II đòi hỏi chi phí khá cao, các NHTM phải sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, bao gồm các quy trình, thủ tục và công nghệ thông tin để đánh giá khách hàng với mức độ rủi ro tín dụng khác nhau. Vì thế, mức độ rủi ro của các ngân hàng có thể giảm, nhưng các ngân hàng có thể sẽ phải chịu chi phí đầu vào tăng lên, dẫn đến lãi suất đầu ra sẽ tăng hoặc chênh lệch lãi suất thấp hơn gây ảnh hưởng đến lợi nhuận. Trong điều kiện đó, các ngân hàng nhỏ phải hợp nhất hoặc sáp nhập để hạn chế rủi ro. Điều này đã được các NHTM Việt Nam xác nhận và nhiều ngân hàng đã xây dựng chiến lược kinh doanh riêng, trong đó chú trọng mở rộng quy mô về vốn và loại hình dịch vụ theo hướng sáp nhập thành ngân hàng lớn hơn và liên doanh liên kết với các ngân hàng nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng đáng ghi nhận thì vấn đề quản lý, kiểm soát rủi ro lãi suất của các NHTM cũng còn nhiều bất cập cần được nhìn nhận một cách nghiêm túc và có sự cải thiện tích cực hơn, cụ thể như:

Mức độ sử dụng các nghiệp vụ phòng tránh lãi suất chưa cao. Dù đã có những nhận thức nhất định về rủi ro lãi suất nhưng nhiều NHTM Việt Nam mới chỉ dừng lại ở nhận định rằng ngân hàng có rủi ro lãi suất mà chưa có sự đo lường cụ thể về rủi ro đó khi lãi suất thị trường thay đổi, chưa đánh giá được mức rủi ro cụ thể là bao nhiêu và cũng chưa dự đoán được chiều hướng biến đổi lãi suất nào sẽ gây tổn thất cho ngân hàng. Mặc dù đã được NHNN cho phép các ngân hàng thực hiện một số nghiệp vụ phái sinh nhằm phòng ngừa rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá song trên thực tế rất ít được quan tâm. Từ khi NHNN cho phép thực hiện nghiệp vụ hoán đổi lãi suất trên thị trường Việt Nam (từ tháng 01/2003) và sau đó là hoán đổi lãi suất mở rộng được thực hiện đối với cả VNĐ và ngoại tệ giữa các ngân hàng với doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng; giữa Ngân hàng với những doanh nghiệp vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác, kể cả vay vốn nước ngoài; giữa các Ngân hàng trong nước với nhau và giữa các NHTM trong nước với các TCTD nước ngoài (Quyết định số 1133/QĐ- NHNN ngày

30/09/2003) thì cũng mới chỉ có một số ngân hàng như NHTM cổ phần Á Châu, Citibank thực hiện hoán đổi lãi suất trong phạm vi đồng USD từ ngày 1/3/2005 tới 2/2006; NHTM cổ phần Ngoại thương thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất kèm theo điều kiện quyền chọn với các đối tác là NHTM hoạt động tại Việt Nam và các pháp nhân khác hoạt động ở trong nước và nước ngoài, phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Phương pháp đo lường chưa hiệu quả: ở một số ngân hàng, việc đo lường rủi ro lãi suất tuy đã được thực hiện song các phương pháp đo lường rủi ro lãi suất mà các NHTM Việt Nam đang sử dụng cũng còn rất sơ khai, hầu hết các ngân hàng chỉ dừng lại ở phương pháp đơn giản là phương pháp khe hở nhạy cảm lãi suất.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát rủi ro lãi suất tại các ngân hàng hầu như chưa được nhận thức và thực hiện bài bản. Một số NHTM còn chưa chú trọng đến việc tổ chức bộ máy quản lý rủi ro lãi suất, các cơ chế quản lý, trình độ công nghệ, trình độ năng lực cán bộ. Các yếu tố về mặt con người tại một số NHTM cũng chưa được quan tâm đúng mức, các cán bộ có năng lực chuyên môn sâu về lĩnh vực này tại các NHTM chưa nhiều.

- Các NHTM Việt Nam cũng chưa thực hiện một cách toàn diện những biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro lãi suất. Cụ thể, về biện pháp nội bảng, các NHTM chưa có những biện pháp tích cực để duy trì sự cân xứng về kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ. Về các biện pháp nghiệp vụ ngoại bảng hầu hết các ngân hàng còn sử dụng rất ít các nghiệp vụ phái sinh trong phòng ngừa rủi ro lãi suất.

- Những chuẩn mực quốc tế trong việc quản trị rủi ro lãi suất dù đang được triển khai nhưng cũng mới chỉ dừng lại ở những giai đoạn đầu tiên. Thậm chí, các NHTM Việt Nam còn đang gặp nhiều khó khăn và lúng túng trong việc áp dụng những chuẩn mực đó để phục vụ cho quá trình hoạt động của mình.

Mặt khác, có thể nói, nguyên nhân của những bất cập trong quản lý rủi ro lãi suất của các NHTM không thể không kể đến những tác động từ vai trò điều hành lãi suất của NHNN. Hiện nay, việc điều hành lãi suất của NHNN được thực hiện thông qua việc quy định mức lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu... làm cơ sở cho các NHTM ấn định lãi suất kinh

doanh của mình. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa các loại lãi suất thị trường mà đặc biệt là lãi suất trái phiếu chính phủ, lãi suất VNĐ trên thị trường liên ngân hàng với các loại lãi suất do NHNN quy định như lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn... còn lỏng lẻo, nhiều khi tách rời nhau, biến động chưa phù hợp với lãi suất thị trường. Vai trò điều tiết của NHNN trên thị trường OMO còn rất hạn chế dẫn đến nhiều khi không kiểm soát được lãi suất trên thị trường, do đó tác động rất lớn đến việc quản trị rủi ro lãi suất của các NHTM. Lãi suất liên ngân hàng hiện nay giữa các NHTM cũng chưa phản ánh đúng quan hệ cung-cầu vốn, đối tượng tái chiết khấu, tái cấp vốn của NHNN rất hạn chế, nhiều NHTM nắm giữ rất ít giấy tờ có giá ngắn hạn nên có ít điều kiện vay vốn hoặc chiết khấu tại NHNN. Hơn nữa, việc can thiệp sâu vào thị trường tài chính theo các công cụ mệnh lệnh hành chính có thể đã có tác dụng khá nhanh nhưng nhiều khi nó làm méo mó cung cầu trên thị trường tiền tệ.

Hệ quả tất yếu của những hạn chế trên đó là việc hiệu quả của việc đánh giá và dự đoán biến động lãi suất của các ngân hàng chưa tốt. Điều đó tạo ra thế bị động cho các NHTM Việt Nam khi đứng trước những rủi ro gây ra bởi biến động lãi suất trên thị trường.

Một vài kiến nghị:

Thiết lập và hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro lãi suất

Quy trình quản lý rủi ro lãi suất là một nội dung quan trọng trong nội dung quản lý rủi ro lãi suất của bất kỳ ngân hàng nào, đó là việc ngân hàng nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, thiết lập hệ thống kiểm soát. Do đó, hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro cho phù

hợp với thực tại của chính ngân hàng mình là một giải pháp cấp thiết giúp ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất hiệu quả.

Quan tâm hơn nữa đến công tác kiểm tra, kiểm soát rủi ro lãi suất và hệ thống báo cáo

Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ với mục tiêu quan trọng xây dựng được hệ thống tìm kiếm những xu hướng tiềm ẩn tiêu cực, bất ổn và thiếu sót trong hoạt động của ngân hàng để đưa ra biện pháp chấn chỉnh. Các báo cáo về rủi ro lãi suất phải được lập thường xuyên, định kỳ hoặc bất kỳ khi nào ban lãnh đạo cần để có thể theo dõi sự thay đổi của thu nhập khi lãi suất thay đổi, giúp ban lãnh đạo có các chiến lược kinh doanh đúng đắn trên cơ sở đạt lợi nhuận cao nhưng vẫn an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Tăng cường khả năng dự báo về biến động lãi suất

Mặc dù dự báo rủi ro lãi suất là một vấn đề rất khó, tuy nhiên nếu các ngân hàng có một bộ phận chuyên môn chuyên phân tích biến động thị trường và dự báo cho biến động lãi suất trong tương lai thì sẽ giúp cho ngân hàng rất nhiều trong công tác quản trị, khi phân tích đúng diễn biến lãi suất ngân hàng sẽ có cơ cấu tài sản Có- tài sản Nợ phù hợp, đây là yếu tố quan trọng trong công tác quản trị rủi ro lãi suất.

Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và đào tạo cán bộ quản lý rủi ro lãi suất

Việc đẩy nhanh tiến độ hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, tăng cường trang bị các thiết bị hiện đại sẽ góp phần phục vụ cho công tác thu thập và xử lý thông tin- cơ sở quan trọng để dự báo lãi suất. Cần khai thác các mô hình tổ chức và quản trị

hiện đại phù hợp với đặc điểm của ngân hàng, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực thông qua tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại.

Chọn mục tiêu cạnh tranh về lâu dài

Cần đặt chất lượng dịch vụ làm mục tiêu cạnh tranh để đảm bảo tính bền vững, bởi nếu cạnh tranh bằng lãi suất thì thường sẽ dẫn đến các cuộc đua lãi suất không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực điều hành, năng lực quản trị cho các ngân hàng. Chỉ có tạo được thế mạnh vững chắc trên thị trường thì các NHTM Việt Nam mới có thể tạo được uy tín khi huy động vốn, từ đó thúc đẩy hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Đặc biệt quan tâm đến quản lý tài sản có, tài sản nợ và sự cân đối về kỳ hạn

Thay đổi lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng đến giá trị kinh tế của các tài sản Có, tài sản Nợ và các trạng thái ngoại bảng của ngân hàng. Giá trị kinh tế của một ngân hàng có thể được coi là giá trị hiện tại của các luồng tiền thuần của ngân hàng, được định nghĩa là các luồng tiền dự kiến đối với tài sản Có trừ đi các luồng tiền dự kiến đối với tài sản Nợ cộng với luồng tiền thuần dự kiến đối với các trạng thái ngoại bảng. Theo nghĩa này, khía cạnh giá trị kinh tế phản ánh quan điểm về độ nhạy cảm của giá trị thuần của ngân hàng đối với những thay đổi về lãi suất. Do vậy, mức độ nhạy của giá trị kinh tế của ngân hàng đối với những biến động lãi suất là một mối quan tâm đặc biệt của các cổ đông, lãnh đạo và các cơ quan giám sát.

Về phía NHNN, nên có những chuẩn mực bài bản hơn trong điều hành lãi suất thị trường

Có thể nói, lãi suất không đơn thuần chỉ là giá cả của vốn trên thị trường tiền tệ, mà còn là một công cụ có vai trò điều tiết thị trường; những rủi ro từ lãi suất cũng không chỉ ảnh hưởng đến lợi nhuận, đến thu nhập của bản thân mỗi NHTM mà còn tác động đến hoạt động, đến sự an toàn của cả hệ thống NHTM, tác động đến nền kinh tế nói chung. Vì vậy, cần phải kiểm soát tốt nhất những diễn biến của lãi suất- để làm tốt điều này không ai khác chính là những nỗ lực của các NHTM và không thể thiếu được sự điều hành chuẩn mực từ phía NHNN ■

Tài liệu tham khảo:

1. TCNH, TCCNNH, TC thị trường TCTT
2. Báo cáo của NHNN; một số NHTM
3. Một số trang Web: vneconomy.vn; vietnamnet.vn; taichinh.vnexpress.net...



Cần đặt chất lượng dịch vụ làm mục tiêu cạnh tranh để đảm bảo tính bền vững, bởi nếu cạnh tranh bằng lãi suất thì thường sẽ dẫn đến các cuộc đua lãi suất không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng.